

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



LÊ VIỆT QUANG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI THUẾ CƠ SỞ 8
TỈNH QUẢNG TRỊ**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP
THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số: 8340201

Đà Nẵng -2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Thủy

Phản biện 1: PGS.TS. Hoàng Dương Việt Anh

Phản biện 2: TS. Thái Quốc Khánh

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 11 năm 2025

Có thể tìm hiểu đề án tại:

Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo số liệu báo cáo đến 31/12/2024, tổng nợ thuế của DNNQD tại Thuế cơ sở 8 là 14.268,52 triệu đồng, trong đó nợ thuế trên địa bàn Tuyên Hóa chiếm phần lớn với 13.147,4 triệu đồng, địa bàn Minh Hóa là 1.121 triệu đồng. Con số này phản ánh áp lực rất lớn đối với công tác quản lý nợ thuế đối với DNNQD của địa phương. Đồng thời các biện pháp quản lý nợ đã triển khai nhưng hiệu quả chưa bền vững. Dù cơ quan thuế đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp như tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế; tăng cường kiểm tra, thanh tra; áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ..., song nợ thuế vẫn chưa được xử lý dứt điểm. Nhiều DNNQD có biểu hiện chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ, thậm chí cố tình kéo dài thời gian nộp thuế. Nguyên nhân chủ yếu do một bộ phận DN gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh, thiếu vốn lưu động dẫn đến chậm nộp thuế; ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao; công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương, ngân hàng, kho bạc... còn hạn chế; năng lực, kỹ năng quản lý nợ của cán bộ thuế chưa đồng đều; ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, phân loại và xử lý nợ thuế chưa thật sự hiện đại và hiệu quả.

Xuất phát từ những vấn đề cấp thiết nêu trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị”*** làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu chung

Đề tài nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản

lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý nợ thuế đối với khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 -2024, làm rõ kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất định hướng và hệ thống các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu đề tài là công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Đề án tiếp cận nghiên cứu công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh với các nội dung bám sát chu trình quản lý thuế hiện nay.

- *Phạm vi không gian*: Nghiên cứu được thực hiện tại địa bàn quản lý của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị.

- *Phạm vi thời gian*: Số liệu thu thập trong giai đoạn từ 2022 – 2024, các giải pháp đề xuất đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập thông tin từ nguồn dữ liệu

- Các công trình khoa học liên quan: đề án, hội thảo, sách chuyên

khảo, bài báo khoa học, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ về quản lý thuế và quản lý nợ thuế.

- Văn bản pháp luật hiện hành về quản lý thuế và nợ thuế bằng khuôn khổ pháp lý áp dụng tại Thuế tỉnh và Thuế cơ sở, bao gồm các văn bản như: Luật, Nghị quyết, Quyết định, Thông tư và các Hướng dẫn.

- Các báo cáo tổng kết và kế hoạch hàng năm về quản lý nợ thuế của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024.

4.2. Công cụ xử lý dữ liệu

Toàn bộ số liệu và thông tin thu thập được sẽ được xử lý, tổng hợp và tính toán bằng phần mềm Microsoft Excel, nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch và thuận tiện trong phân tích số liệu.

4.3. Phương pháp phân tích, đánh giá

- Phương pháp thống kê mô tả
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp tổng hợp

5. Kết cấu của Đề án

Đề án tốt nghiệp ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, có kết cấu bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác quản lý nợ thuế

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng trị

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ THUẾ

1.1. Khái niệm và mục tiêu quản lý nợ thuế của cơ quan thuế

1.1.1. Khái niệm quản lý nợ thuế của cơ quan thuế

Quản lý nợ thuế là quá trình cơ quan thuế tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động theo dõi, phân loại, đôn đốc, cưỡng chế và xử lý các khoản nợ thuế, nhằm thu hồi kịp thời, hạn chế phát sinh mới, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Theo Luật doanh nghiệp năm 2015: “Doanh nghiệp là các tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản và trụ sở giao dịch cố định, được đăng ký giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh”

Theo đó, doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Tiếng Anh: Non-state enterprises) hay còn gọi là doanh nghiệp dân doanh là thuật ngữ dùng để chỉ các loại hình doanh nghiệp được góp vốn thành lập bởi các cá nhân, tổ chức là người Việt Nam hoặc các cá nhân, tổ chức nước ngoài thường trú tại Việt Nam. Theo đó, doanh nghiệp ngoài quốc doanh là doanh nghiệp mà nguồn vốn thuộc về sở hữu tập thể, của tư nhân một người hoặc một nhóm người hoặc có sở hữu Nhà nước nhưng chỉ chiếm từ 50% vốn điều lệ trở xuống, được tồn tại lâu dài, bình đẳng trước pháp luật và có tính sinh lợi hợp pháp chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ quy định của pháp luật.

1.1.3. Mục tiêu quản lý nợ thuế của cơ quan thuế

Thứ nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời cho NSNN.

Thứ hai, kiểm soát và hạn chế phát sinh nợ mới.

Thứ ba, nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

Thứ tư, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuế.

1.2. Nội dung hoạt động quản lý nợ thuế của cơ quan thuế

1.2.1. Theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế

Trên cơ sở theo dõi, việc phân loại nợ thuế được thực hiện nhằm sắp xếp các khoản nợ theo những tiêu chí nhất định để lựa chọn biện pháp xử lý phù hợp. Phân loại có thể dựa vào thời gian nợ (nợ trong hạn cưỡng chế, nợ quá hạn, nợ kéo dài), tính chất của khoản nợ (nợ chây ỳ, nợ do khó khăn khách quan, nợ chờ xử lý khiếu nại, nợ không còn khả năng thu hồi do DN giải thể, phá sản), hoặc theo mức độ rủi ro.

1.2.2. Đôn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ người nộp thuế

Công tác đôn đốc và nhắc nhở được triển khai nhằm kịp thời thông tin cho DN về tình trạng nợ thuế của mình và cảnh báo những hệ quả pháp lý nếu chậm nộp hoặc không nộp.

1.2.3. Áp dụng biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Trong hoạt động quản lý nợ thuế, việc áp dụng các biện pháp quản lý và cưỡng chế nợ thuế là bước đi cần thiết nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và hạn chế tình trạng thất thu ngân sách.

1.2.4. Xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi

Nguyên tắc cơ bản khi xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi là phải tuân thủ đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự và điều kiện áp dụng; đảm bảo tính công bằng, khách quan, minh bạch và tránh mọi sự lạm dụng. Đồng thời, việc xử lý cũng phải được thực hiện kịp thời, cập nhật đầy đủ trên hệ thống quản lý thuế để phản ánh chính xác tình hình nợ, tạo cơ sở dữ liệu chuẩn xác cho công tác chỉ đạo, điều hành.

1.2.5. Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế

Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế là khâu cuối cùng nhưng có vai trò hết sức quan trọng trong chu trình quản lý nợ thuế của CQT. Đây là quá trình xem xét, đối chiếu, phân tích và đánh giá việc thực hiện các biện pháp quản lý nợ thuế, nhằm đảm bảo công tác quản lý diễn ra đúng quy định, đạt hiệu quả, đồng thời phát hiện những hạn chế, sai phạm để đưa ra giải pháp điều chỉnh phù hợp.

1.3. Các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động quản lý nợ thuế của cơ quan thuế

1.3.1. Nhóm tiêu chí đánh giá quy mô nợ thuế

1.3.2. Nhóm chỉ tiêu đánh giá cơ cấu nợ thuế

1.3.3. Nhóm chỉ tiêu đánh giá kết quả thu hồi nợ thuế

1.3.4. Nhóm các tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý và biện pháp áp dụng

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI THUẾ CƠ SỞ 8 TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

2.1.1. Các yếu tố bên ngoài

- Đặc điểm về quy mô và năng lực của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh

- Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách
- Nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế
- Đặc điểm tự nhiên và kinh tế của Tỉnh Quảng Trị
- Sự phối hợp liên ngành

2.1.2. Các yếu tố bên trong

- Mô hình bộ máy tổ chức của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

- Nguồn nhân lực của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

- Năng lực cơ sở vật chất và công nghệ thông tin của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

- Quy mô nợ thuế DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị
- Năng lực phối hợp và giám sát nội bộ

2.2. Thực trạng quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2024

2.2.1. Thực trạng hoạt động theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế

Công tác theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 được thực hiện tập trung bởi Tổ Quản lý nợ và cưỡng

chế, với sự phối hợp chặt chẽ của Tổ Quản lý thuế liên xã, và Tổ Hành chính – Nhân sự. Quy trình vận hành điển hình gồm 4 bước chính:

Bước 1: Theo dõi và ghi nhận số liệu nợ: Hàng tháng, bộ phận quản lý nợ trích xuất dữ liệu từ hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS), đối chiếu với dữ liệu của Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại. Các khoản nợ quá hạn được ghi nhận và lập danh sách chi tiết theo từng doanh nghiệp.

Bước 2: Phân loại nợ thuế: Dựa vào Quyết định 1129/QĐ-TCT, các khoản nợ được chia thành ba nhóm: nợ có khả năng thu, nợ khó thu và nợ chờ xử lý. Việc phân loại dựa trên tiêu chí pháp lý, khả năng tài chính của doanh nghiệp, tình trạng hoạt động (đang hoạt động, giải thể, phá sản, bỏ trốn), cũng như hồ sơ khiếu nại, tranh chấp đang được giải quyết.

Bước 3: Cập nhật dữ liệu và báo cáo: Kết quả theo dõi và phân loại được cập nhật trực tiếp trên hệ thống TMS. Các báo cáo định kỳ tháng, quý, năm được lập và gửi lên Thuế tỉnh Quảng Trị. Song song đó, cơ sở dữ liệu được chia sẻ cho các bộ phận liên quan để triển khai các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế phù hợp.

Bước 4: Kiểm soát chất lượng thông tin: Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế chịu trách nhiệm đối chiếu, rà soát, phát hiện lỗi nhập liệu, sai sót trong khâu cập nhật. Điều này đảm bảo dữ liệu phản ánh chính xác, hạn chế tình trạng trùng lặp hoặc bỏ sót thông tin. Công tác theo dõi, phân loại và cập nhật nợ tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã được triển khai bài bản, đúng quy định. Hệ thống quản lý điện tử TMS giúp dữ liệu minh bạch, giảm sai sót. Việc phân loại theo loại hình, khả năng thu hồi và lĩnh vực hoạt động đã giúp CQT xác định trọng điểm, xây dựng kế hoạch xử

lý phù hợp. Trong giai đoạn 2022 – 2024, công tác theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế đối với DNNDQ tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã đạt những kết quả tích cực, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và ngày càng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Tuy nhiên, mục đích của phân loại lẽ ra phải là để lựa chọn cách xử lý phù hợp (đôn đốc, cưỡng chế, khoan/xóa), nhưng trên thực tế tại Thuế cơ sở 8, công tác phân loại vẫn chủ yếu phục vụ báo cáo định kỳ.

2.2.2. Thực trạng hoạt động đôn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ người nộp thuế

Về khung pháp lý, Giai đoạn 2022 – 2024, Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã triển khai công tác này một cách thường xuyên, bài bản và có sự điều chỉnh phù hợp với các quy định mới nhất của Luật Quản lý thuế năm 2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn như Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Các quy định này đặt ra yêu cầu cụ thể về trách nhiệm Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị trong việc ban hành thông báo nợ, gửi văn bản nhắc nhở, tổ chức đối thoại, cũng như hỗ trợ DNNQD thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn. Những văn bản này quy định quyền và nghĩa vụ của cơ quan thuế, hình thức thông báo, thời hạn, căn cứ hỗ trợ và tiêu chí gia hạn, khoan, xóa nợ.

Tỷ lệ gửi thông báo đến các DNNQD còn nợ thuế của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024 luôn ở mức rất cao (~96%), cho thấy năng lực vận hành hệ thống thông báo điện tử và quy trình gửi văn bản của Thuế cơ sở 8 tương đối tốt. Tỷ lệ phản hồi của DN tăng dần (từ 48/120 lên 69/150); tỷ lệ nộp tiền sau thông báo cũng có xu hướng cải thiện từ 29,2% lên 37,3%. Điều này phản ánh hiệu quả bước đầu của chính sách đôn đốc — thông báo: khi được thông báo kịp thời

và có hỗ trợ, một bộ phận DN lựa chọn nộp hoặc thương lượng trả dần. Tuy nhiên, còn nhiều DN nhận thông báo nhưng không nộp (tỷ lệ nộp sau thông báo dưới 40%), đây là nhóm cần áp dụng biện pháp tiếp theo (làm việc trực tiếp, giải pháp hỗ trợ kế hoạch trả nợ, hoặc chuyển sang cưỡng chế).

2.2.3. Thực trạng hoạt động áp dụng biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Trong giai đoạn 2022–2024, công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị được triển khai trên cơ sở các quy định pháp luật mới nhất, đặc biệt là Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 về Quy trình Quản lý nợ thuế và Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 về Quy trình Cưỡng chế tiền thuế nợ.

Có thể thấy qua các số liệu phân tích, công tác áp dụng biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024 đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỷ lệ DNNQD bị cưỡng chế giảm nhẹ, trong khi hiệu quả thu hồi nợ sau cưỡng chế được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, những tồn tại trong tác nghiệp như khâu rà soát dữ liệu còn thủ công, hồ sơ cưỡng chế phức tạp, xu hướng áp dụng biện pháp “dễ làm” thay vì biện pháp mạnh, hay sự phối hợp nội bộ chưa thật sự chặt chẽ... đã phần nào làm giảm tính kịp thời và hiệu quả của hoạt động cưỡng chế. Đây là những hạn chế mà cơ quan thuế cần khắc phục để nâng cao hơn nữa năng lực quản lý nợ trong thời gian tới.

2.2.4. Thực trạng hoạt động xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi

Trong thực tiễn triển khai tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị, công tác này dù tuân thủ đúng quy định nhưng vẫn bộc lộ những hạn chế nội tại. Đầu tiên, việc xác minh tình trạng pháp lý và thực tế của doanh nghiệp thường kéo dài do quy trình phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, tòa án và chính quyền địa phương chưa thật sự thông suốt, dẫn đến nhiều hồ sơ phải “treo” trong thời gian dài. Thứ hai, khâu hoàn thiện hồ sơ xóa/khoanh nợ còn nặng về thủ tục giấy tờ, cán bộ thuế phải xử lý nhiều bước thủ công, làm giảm tốc độ xử lý. Thứ ba, do thiếu hướng dẫn chi tiết ở cấp cơ sở, một số cán bộ còn lúng túng khi phân định giữa “nợ khoanh” và “nợ chờ xử lý”, ảnh hưởng đến tính thống nhất trong báo cáo.

Kết quả xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024 cho thấy sự chuyển biến tích cực theo hướng ngày càng nâng cao hiệu quả và giảm bớt tình trạng nợ tồn đọng. Trong năm 2022, tổng số nợ khó thu được xác định là 2.145,25 triệu đồng, trong đó 820,50 triệu đồng được khoanh nợ và 356,40 triệu đồng được xóa nợ. Tuy nhiên, vẫn còn 968,35 triệu đồng phải chuyển tiếp theo dõi do chưa đủ điều kiện pháp lý để xử lý. Tỷ lệ xử lý nợ trong năm đạt 54,8%, phản ánh giai đoạn đầu công tác xử lý còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở khâu xác minh tình trạng pháp lý doanh nghiệp.

2.2.5. Thực trạng hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế

Hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024 đã có nhiều

chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn tồn tại những khó khăn chủ yếu xuất phát từ cách thức tổ chức thực hiện và hạn chế trong năng lực cán bộ, hệ thống hỗ trợ. Đây là những vấn đề cần khắc phục để công tác kiểm tra, giám sát thực sự trở thành công cụ nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế đối với DNNQD.

2.3. Đánh giá kết quả quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

2.3.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, về công tác theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế: Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã đẩy mạnh ứng dụng hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) và các phần mềm hỗ trợ, nhờ đó dữ liệu nợ thuế được cập nhật nhanh chóng, chính xác và kịp thời hơn.

Thứ hai, trong đơn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ người nộp thuế: Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã thực hiện tương đối đồng bộ, kết hợp nhiều hình thức khác nhau để tăng cường hiệu quả.

Thứ ba, đối với áp dụng các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã kiên quyết triển khai đồng bộ các biện pháp được pháp luật cho phép như trích tiền từ tài khoản ngân hàng, kê biên tài sản, dừng làm thủ tục hải quan, và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong những trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

Thứ tư, trong khâu xử lý nợ không còn khả năng thu hồi: Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã chú trọng rà soát, lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền xóa nợ theo đúng quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

Thứ năm, trong kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý

nợ thuế: Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đã tổ chức thường xuyên các đợt kiểm tra nội bộ, nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình quản lý nợ và xác định những điểm mạnh, điểm yếu.

2.3.2. Một số hạn chế

Thứ nhất, về hoạt động theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế: Việc phân loại nợ theo nhóm “có khả năng thu” và “khó thu” còn gặp tình trạng chồng lấn, khi nhiều khoản nợ được đánh giá là “có khả năng thu” nhưng trên thực tế lại sát ngưỡng “khó thu”, gây khó khăn cho việc lựa chọn giải pháp xử lý.

Thứ hai, đối với hoạt động đôn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ người nộp thuế: Tỷ lệ DN nộp thuế sau thông báo còn thấp (dưới 40%), phản ánh việc đôn đốc chưa thật sự hiệu quả với nhóm DN chậm ì.

Thứ ba, đối với hoạt động áp dụng biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Tỷ lệ DN phải áp dụng cưỡng chế vẫn cao (trên 60%), cho thấy biện pháp mềm như nhắc nhở, hỗ trợ chưa đủ sức nặng.

Thứ tư, đối với xử lý nợ không còn khả năng thu hồi: Quy trình xác minh tình trạng DN giải thể, phá sản hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh còn mất nhiều thời gian do phụ thuộc vào phối hợp liên ngành.

Thứ năm, đối với hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế: Kế hoạch kiểm tra một số năm còn mang tính dàn trải, chưa sát thực tiễn; báo cáo kết quả đôi khi thiên về hình thức, chưa phân tích nguyên nhân gốc rễ của tồn tại.

2.3.2. Nguyên nhân hạn chế

2.3.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Một là, bộ máy quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị còn bất cập

Hai là, năng lực cán bộ quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị còn hạn chế

Ba là, quy trình quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị chưa thực sự hiệu quả

Bốn là, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị còn hạn chế

Năm là, tính chủ động trong tổ chức thực hiện quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị chưa cao

2.3.2.2. Nguyên nhân khách quan

Một là, tình hình kinh tế - tài chính của DNNQD còn nhiều khó khăn:

Hai là, hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách còn bất cập:

Ba là, ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn thấp.

Bốn là, đặc thù kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị

Năm là, sự phối hợp liên ngành chưa đồng bộ

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NỢ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI THUẾ CƠ SỞ 8 TỈNH QUẢNG TRỊ

3.1. Mục tiêu, định hướng hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

3.1.1. Mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030, Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần đạt được những chỉ tiêu cơ bản sau:

- Tỷ lệ nợ thuế đối với DNNQD trên tổng thu ngân sách địa bàn giảm xuống dưới 5%, phù hợp với mục tiêu chung của ngành Thuế.

- Duy trì tỷ trọng nợ đối với DNNQD có khả năng thu trên 70% tổng nợ; đồng thời giảm tỷ trọng nợ khó thu xuống dưới 15% và nợ chờ xử lý xuống dưới 5%.

- Tỷ lệ nợ thuế được thu hồi hằng năm đạt trên 55% tổng số nợ phát sinh.

- 100% hồ sơ nợ thuế của DNNQD được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác trên hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) và được đối chiếu định kỳ hằng tháng.

- 100% cán bộ quản lý nợ thuế được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng phân tích dữ liệu, dự báo rủi ro và sử dụng công nghệ số trong quản lý nợ.

- Xử lý dứt điểm các khoản nợ của DNNQD không còn khả năng thu hồi, bảo đảm phản ánh trung thực tình hình nợ thuế trên địa bàn, không để kéo dài nợ ảo.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

Một là, hoàn thiện bộ máy quản lý nợ thuế theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao

Hai là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nợ thuế đối với DNNQD.

Ba là, tăng cường tính chủ động trong đôn đốc, nhắc nhở và cưỡng chế nợ thuế. Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần chuyển từ tư duy “xử lý sau khi nợ đã phát sinh” sang tư duy “cảnh báo sớm và ngăn ngừa nợ”.

Bốn là, xử lý dứt điểm nợ thuế không còn khả năng thu hồi, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để làm trong sạch sổ sách kế toán nợ.

Năm là, nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác quản lý nợ thuế đối với DNNQD.

Sáu là, tăng cường gắn kết công tác quản lý nợ thuế với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

3.2.1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị

Đề xuất tổ chức lại bộ máy theo hướng hình thành 3 tổ chuyên trách và một bộ phận giám sát độc lập: Tổ Phân loại và Phân tích nợ; Tổ

Cưỡng chế và Xử lý nợ; Tổ Hỗ trợ xử lý nợ và Gia hạn; Bộ phận Kiểm tra nội bộ độc lập.

Trường Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần có kế hoạch bổ sung thêm ít nhất 6–8 cán bộ quản lý nợ trong giai đoạn 2025–2026, ưu tiên cán bộ trẻ có kỹ năng phân tích dữ liệu và am hiểu công nghệ. Tăng cường đào tạo chuyên sâu cho cán bộ của Tổ Phân loại và Tổ Cưỡng chế về quản trị rủi ro DN và kỹ năng pháp lý..

3.2.2. Hoàn thiện theo dõi, phân loại và cập nhật nợ thuế

Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm trực tiếp cập nhật tất cả khoản nợ phát sinh ngay trong tháng, đồng thời phối hợp với Tổ Kế khai – Kế toán thuế để đối chiếu dữ liệu định kỳ hằng quý. Trường Thuế cơ sở có trách nhiệm giám sát, yêu cầu báo cáo định kỳ và xử lý ngay các trường hợp chậm trễ hoặc sai lệch số liệu.

Trường Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần chủ động ký kết quy chế phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tòa án nhân dân tỉnh, Công an kinh tế và các ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, Tổ Quản lý nợ có thể kịp thời nắm được tình trạng doanh nghiệp giải thể, phá sản, tạm ngừng hoạt động hoặc bị phong tỏa tài khoản, từ đó cập nhật hồ sơ nợ thuế chính xác hơn.

3.2.3. Hoàn thiện đơn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ người nộp thuế

- Để nâng cao hiệu quả công tác đơn đốc, nhắc nhở và hỗ trợ NNT, trước hết Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần tái thiết kế quy trình nhắc nhở theo hướng “3 tầng”.

- Đổi mới phương thức đơn đốc, nhắc nhở theo hướng đa dạng và phù hợp với từng nhóm DNNQD nợ thuế.

- Các khoản nợ thuế đến hạn 30 ngày, 60 ngày, 90 ngày sẽ được hệ thống cảnh báo tự động, từ đó Tổ Quản lý nợ kịp thời phát hành thông báo.

- Tổ Tuyên truyền – Hỗ trợ tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần phối hợp với Tổ Quản lý nợ để nắm bắt danh sách doanh nghiệp nợ, tổ chức gặp gỡ, đối thoại, phân tích nguyên nhân nợ và tư vấn giải pháp tháo gỡ khó khăn.

3.2.4. Hoàn thiện áp dụng biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần đổi mới phương thức cưỡng chế theo hướng “linh hoạt – trọng điểm – phối hợp đồng bộ”. Trước hết, cần xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn biện pháp cưỡng chế dựa trên đặc thù doanh nghiệp.

- Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chịu trách nhiệm lập danh sách các DNNQD chậm nộp, đối chiếu thông tin cùng Tổ Kế khai – Kế toán thuế, sau đó tham mưu cho Trưởng Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định cưỡng chế.

3.2.5. Hoàn thiện xử lý nợ thuế không còn khả năng thu hồi

- Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế chịu trách nhiệm rà soát định kỳ các khoản nợ của DNNQD đã kéo dài trên 10 năm, doanh nghiệp đã giải thể hoặc phá sản.

- Hệ thống TMS cần được bổ sung chức năng “danh mục nợ không còn khả năng thu hồi” để tách biệt khỏi nợ có khả năng thu, giúp phản ánh trung thực số liệu và hỗ trợ công tác lập báo cáo chính xác hơn.

- Trưởng Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần ký kết quy chế phối hợp chính thức với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Tòa án nhân

dân tỉnh để bảo đảm việc cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý doanh nghiệp nhanh chóng, chính xác.

3.2.6. Hoàn thiện kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả quản lý nợ thuế

- Tổ Kiểm tra thuế chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm, tập trung vào việc rà soát quy trình phân loại, cập nhật, đơn đốc và cưỡng chế nợ thuế do Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thực hiện.

- Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện cho Tổ Kiểm tra thuế theo chu kỳ hằng quý.

- Hệ thống TMS cần được bổ sung chức năng báo cáo tự động về tiến độ thu hồi nợ, tỷ lệ thực hiện các biện pháp cưỡng chế, tỷ lệ xử lý nợ không còn khả năng thu hồi. Trưởng Thuế cơ sở có thể theo dõi trực tuyến và kịp thời yêu cầu điều chỉnh nếu phát hiện khâu nào trì trệ.

- Khi hoàn tất kiểm tra, Trưởng Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần chỉ đạo tổ chức hội nghị nội bộ để rút kinh nghiệm, yêu cầu Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế khắc phục ngay sai sót, đồng thời bổ sung giải pháp cải tiến.

3.2.7. Các giải pháp khác

- *Nâng cao năng lực cán bộ quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị:* Cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cụ thể, Trưởng Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị cần chỉ đạo Tổ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế phối hợp với Tổ Tuyên truyền – Hỗ trợ xây dựng kế hoạch đào tạo định kỳ cho cán bộ, đặc biệt chú trọng các kỹ năng phân tích dữ liệu nợ thuế, dự báo xu hướng nợ và xử lý tình

huống thực tiễn phát sinh từ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh hoặc chuyển nhượng lòng vòng.

- *Cải tiến quy trình quản lý nợ thuế theo hướng linh hoạt và sát thực tế hơn:* Mặc dù Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 21/10/2021 của Tổng cục Thuế đã ban hành quy trình quản lý nợ, nhưng khi triển khai cần tránh tình trạng máy móc, hình thức.

- *Tập trung vào hiện đại hóa hạ tầng và công cụ số trong quản lý nợ thuế:* Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị phải được ưu tiên đầu tư hạ tầng mạng ổn định, nâng cấp hệ thống TMS theo hướng không chỉ quản lý hồ sơ nợ mà còn phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để dự báo rủi ro.

- *Tăng cường chủ động trong phối hợp tổ chức thực hiện quản lý nợ thuế:* Trưởng Thuế cơ sở cần giao chỉ tiêu thu hồi nợ cụ thể cho từng cán bộ, gắn với trách nhiệm giải trình cá nhân.

KẾT LUẬN

Đề án “*Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị*” đã thực hiện được một số mục tiêu:

Thứ nhất, trong Chương 1, đề án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nợ thuế. Các khái niệm, mục tiêu, nội dung và tiêu chí đánh giá quản lý nợ thuế được luận giải chặt chẽ, gắn với quy định pháp luật hiện hành.

Thứ hai, Chương 2 tập trung phân tích thực trạng quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022–2024. Qua đó, đề án chỉ ra những kết quả đạt được như việc tăng cường tỷ lệ thu hồi nợ, nâng cao hiệu quả phối hợp, hiện đại hóa quy trình quản lý; đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, Các nguyên nhân hạn chế được phân tích rõ ràng cả từ góc độ chủ quan và khách quan, tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng giải pháp.

Thứ ba, trong chương 3 tác giả đã đề xuất hệ thống phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế đối với DNNQD tại Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị. Với 07 giải pháp được thiết kế đồng bộ, bám sát định hướng cải cách ngành Thuế đến năm 2030. Mỗi giải pháp đều được luận giải chặt chẽ về căn cứ thực tiễn và pháp lý, nội dung triển khai, điều kiện bảo đảm và lộ trình thực hiện, cho thấy tính khả thi và gắn với đặc thù thực tiễn của Thuế cơ sở 8 tỉnh Quảng Trị.